

Bản án số: 186/2024/HS-PT  
Ngày: 21-6-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hà

**Các Thẩm phán:** 1. Ông Đặng Hồng Sơn  
2. Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

**Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Oanh

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 129/2024/TLPT-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024 đối với Cao Hữu D do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2024/HS-ST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Bị cáo có kháng cáo:**

**Cao Hữu D;** giới tính: nam; sinh ngày: 14/6/2004 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 86/1B, ấp TT, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: sinh viên trường Cao đẳng F; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; con ông CVĐ (chết) và bà VTNT; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 31/5/2023 (có mặt).

**Bị hại có kháng cáo:**

**Bà Đỗ Mai Thùy T.** Sinh ngày: 05/10/2004

Nơi cư trú: 22/6 ấp TT, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**Người bào chữa:**

Ông VVD – Luật sư Công ty luật TNHH GV thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo (có mặt).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:**

Ông ĐVL và ĐVH – Luật sư Công ty luật TNHH LP thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Đỗ Mai Thùy T (có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Hữu D và Đỗ Mai Thùy T là bạn học chung cùng trường và chơi chung từ cấp hai. Khoảng tháng 12/2022, D nghe người bạn quen biết ngoài xã hội nói trên mạng lộ clip quay cảnh T và bạn trai quan hệ tình dục nên D nảy sinh ý định muốn quan hệ tình dục với T sau đó quay clip để đe dọa, lấy tiền của T để tiêu xài.

D sử dụng máy tính xách tay, tạo 01 trang web giả và tạo ứng dụng C<sup>++</sup> có tên và ngày tháng năm sinh của T. Sau đó, D gặp T nói dối có đường link do hacker xâm nhập, có clip cảnh quan hệ tình dục giữa T và bạn trai cũng như bản thân D và bạn gái nhằm uy hiếp tinh thần. D nói với T, hacker yêu cầu D và T quan hệ tình dục, quay clip gửi lại cho hacker, nếu T không đồng ý quan hệ tình dục thì phải đưa số tiền từ 1.000.000 đồng – 3.000.000 đồng để D chuyển cho hacker. Nếu T không đồng ý yêu cầu thì hacker sẽ tung clip T và bạn trai quan hệ tình dục lên mạng xã hội. Để T tin tưởng, D đưa T về nhà trọ của D ở thành phố Thủ Đức, mở máy tính cho T xem trên ứng dụng C<sup>++</sup> có dòng chữ “05102004” là ngày, tháng, năm sinh của T và nói điện thoại của T đã bị theo dõi nên T không được nói cho ai biết. Lo sợ hacker tung clip quan hệ tình dục lên mạng xã hội nên T đã đồng ý để D quan hệ tình dục 04 lần và chuyển cho D 02 lần, tổng cộng 2.500.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng tháng 12/2022, tại phòng trọ của D (số 29 đường B, khu phố T, phường TNP, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh, D dùng điện thoại quay lại cảnh D và T quan hệ tình dục (hiện còn 02 clip trong điện thoại của D). Khoảng 01 tháng sau, D nói chủ trang web yêu cầu T phải thực hiện một trong hai điều kiện: Một là, hai tháng phải quay 01 clip quan hệ tình dục giữa T và D. Hai là, mỗi tháng T phải đưa cho D 1.000.000 đồng để chuyển cho chủ trang web. T đồng ý đưa cho D số tiền trên tại phía sau nhà thờ Bùi Môn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Lần 2: Khoảng đầu tháng 2/2023, tại nhà nghỉ Vũ Hiệp trên đường Nguyễn Ảnh Thủ, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, D tiếp tục quan hệ tình dục với T và quay clip lại.

Lần 3 và 4: Trong tháng 3/2023, D quan hệ tình dục với T tại nhà bác của D, địa chỉ ấp TT, xã XTĐ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong các lần quan hệ tình dục 2, 3, 4, D yêu cầu T sử dụng điện thoại của T để quay lại cảnh quan hệ tình dục giữa D và T sau đó gửi qua mạng xã hội Zalo cho D để D gửi cho hacker. Tuy nhiên, sau khi xem các đoạn clip trên thì D đã xóa đi.

Đến đầu tháng 4/2023, D tiếp tục nói chủ trang web yêu cầu T chuyển tiền nên ngày 06/4/2023, T dùng tài khoản của mình tại Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB bank) chuyển số tiền 1.500.000 đồng qua tài khoản của D.

Đầu tháng 5/2023, D nói chủ trang web yêu cầu T và D thực hiện quay clip quan hệ tình dục hoặc chuyển tiền thì T nói đang bị bệnh nên không quan hệ tình dục được và cũng không có tiền. Đến cuối tháng 5/2023, T nhắn tin báo với D là đã có tiền, cả hai hẹn gặp sau nhà thờ Bùi Môn, T đưa cho D 2.500.000 đồng nhưng vì thấy T đang bệnh nên D không lấy tiền của T. Sau đó, nhận thấy bản thân bị lừa nên ngày 31/5/2023, T làm đơn tố giác hành vi của D tới cơ quan chức năng.

Tại bản kết luận giám định xâm hại tình dục số 200/KLXHTD-TTPT.2023 ngày 07/12/2023 của Trung tâm pháp y Thành phố Hồ Chí Minh đối với Đỗ Mai Thùy T kết luận: Màng trinh không rách, không thấy tinh trùng trong dịch phết âm đạo, vùng âm hộ và hậu môn; chỉ hiện diện ADN người nam trong dịch phết âm hộ và hậu môn nhưng không đủ cơ sở so sánh với ADN của đối tượng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 59/2024/HS-ST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 143; khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự  
+ Xử phạt: Cao Hữu D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng dâm” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo chấp hành phạt chung là 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 01/4/2024, bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình phạt và mức bồi thường đối với bị cáo.

Ngày 02/4/2024, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

*Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm kết luận:* Cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm các tội “Cưỡng dâm” và “Cưỡng đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo thừa nhận hành vi cưỡng dâm, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt là đúng quy định. Xét bị cáo đã thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội nên đề nghị giảm cho bị cáo 06 tháng tù về tội “Cưỡng dâm”, giảm 3 – 6 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Đối với kháng cáo đề nghị tăng mức bồi thường của bị hại, xét thấy cấp sơ thẩm áp dụng đã phù hợp, riêng các chi phí tổn hại sức khỏe phát sinh thêm đề nghị Hội đồng xét xử giành quyền khởi kiện cho bị hại bằng vụ kiện dân sự nếu có đủ căn cứ. Từ những phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo, không chấp nhận kháng cáo của bị hại.

*Luật sư bào chữa cho bị cáo nêu ý kiến:* Thống nhất đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm. Trên cơ sở các tin nhắn trao đổi giữa bị cáo và bị hại, thể hiện việc trao đổi hẹn gặp rất bình thường, cho thấy cường độ cưỡng ép không cao, số tiền chiếm đoạt không lớn, lần cuối cùng bị hại T đưa tiền thì D đã không nhận. Ngoài ra, bị cáo cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bị cáo tuổi đời còn trẻ, phạm tội lần đầu, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, mồ côi cha từ bé,

đây cũng là 01 phần nguyên nhân tác động tới tâm lý của bị cáo. Bản thân bị cáo từ nhỏ đã mắc nhiều bệnh liên quan tới hô hấp, tiêu hóa. Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo để bị cáo sớm có cơ hội tiếp tục học tập, làm lại cuộc đời. Về mức bồi thường đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

*Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại nêu ý kiến:*

- Về mức hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo 02 tình tiết tăng nặng là “Phạm tội vì động cơ đê hèn” và “Dùng thủ đoạn tinh vi xảo quyệt để phạm tội” quy định tại điểm đ, m khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, bởi lẽ: Giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì nhưng khi nghe tin đồn bị hại bị lộ clip quan hệ tình dục, chưa biết sự việc đúng sai thế nào, lẽ ra với tư cách là bạn học thì bị cáo phải bảo vệ bị hại nhưng bị cáo D lại lợi dụng việc này để buộc T phải quan hệ tình dục với mình. Bên cạnh đó, bị cáo cũng biết rõ bị hại còn đi học, không có tiền nhưng vẫn không chểnh mảng bắt buộc bị hại đưa tiền để tiêu xài cá nhân. Khi quan hệ tình dục còn buộc bị hại quay lại clip, biến bị hại từ bạn bè thành nô lệ tình dục là thể hiện động cơ đê hèn. Ngoài ra, bị cáo dùng kiến thức về công nghệ học được, tạo ra ứng dụng C++ chạy phần mềm có dòng chữ ngày tháng năm sinh để T tin tưởng cũng như bịa ra thông tin chủ trang web, hacker tung clip, đưa ra thông tin bản thân cũng bị lộ clip, dọa điện thoại của bị hại đã bị theo dõi không được báo lại sự việc với ai, hành vi này không phải người bình thường nào cũng làm được mà phải có chuyên môn cao. Hành vi cưỡng ép, đe dọa của bị cáo đã khiến bị hại hoang mang, lo sợ dẫn đến trầm cảm phải nhập viện điều trị, sau khi sự việc xảy ra bị hại không thể hoàn thành việc học tập theo chương trình học, tại phiên tòa bị cáo còn quanh co, chối tội nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại, tăng hình phạt đối với bị cáo.

- Về mức bồi thường: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bị hại tổng cộng số tiền 177.500.000 đồng, cụ thể: Tiền chiếm đoạt 2.500.000 đồng; tiền thuốc, viện phí 10.669.000 đồng; chi phí điều trị, chăm sóc sức khỏe tại nhà sau khi đi viện về 25.691.258 đồng; chi phí cho người nhà chăm sóc tại bệnh viện 06 ngày và tại nhà 90 ngày tổng cộng 48.540.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 50 tháng lương tương đương 90.000.000 đồng. Phiên tòa sơ thẩm chưa xem xét hợp lý, chỉ chấp nhận 01 phần, về tổn thất tinh thần thì giấy xác nhận của Trường N xác định bị hại phải nghỉ học từ 05/2023. Bị hại cũng xác nhận do suy nhược tinh thần, không đủ sức khỏe tiếp tục đi học phải đi điều trị tâm thần, ảnh hưởng rất lớn tới tương lai của bị hại. Về chi phí của người chăm sóc Đỗ Thị Ngọc L, mặc dù không có tài liệu chứng minh nhưng phải nhìn nhận bị hại còn rất trẻ cần có người bên cạnh quan tâm, chăm sóc, tránh các hành vi tự hủy hoại bản thân.

Từ phân tích trên, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo, chấp nhận kháng cáo của bị hại, tuyên phạt bị cáo mức án nghiêm khắc nhất và mức bồi thường hợp lý để bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.

**NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo, bị hại kháng cáo trong hạn luật định nên hợp lệ.

Xét lời khai tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, có đủ cơ sở xác định: Cao Hữu D là hàng xóm và là bạn học cấp 2 với Đỗ Mai Thùy T. Cuối năm 2022, khi biết được thông tin giữa T và bạn trai có clip quay cảnh quan hệ tình dục, D đã tạo trang web giả đồng thời giả danh chủ trang web đe dọa đăng clip quan hệ tình dục của T lên mạng để buộc T đưa tiền để tiêu xài cũng như cho D quan hệ tình dục với T nhằm ghi hình lại chuyển cho chủ trang web. Do lo sợ nên từ tháng 12/2022 đến tháng 5/2023, T đã 04 lần quan hệ tình dục trái ý muốn với D và để D quay lại cảnh quan hệ tình dục đồng thời 02 lần chuyển cho D tổng cộng số tiền 2.500.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Cưỡng dâm” và “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm b khoản 2 Điều 143 và khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự là xét xử đúng người, đúng tội.

Xét kháng cáo của bị cáo, bị hại và quan điểm bào chữa của luật sư về mức hình phạt, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Bị cáo là bạn học của bị hại nhưng khi biết bị hại rơi vào hoàn cảnh lo sợ bị lộ clip nhạy cảm, đã lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của bị hại, một mặt tỏ ra đồng cảm, giúp đỡ nhưng mặt khác lại ngụy tạo trang web giả, mạo danh người khác đe dọa phát tán clip của bị hại lên các trang mạng xã hội nhằm ép buộc bị hại phải thực hiện theo các yêu cầu của chủ trang web nhưng thực chất là yêu cầu của bị cáo. Luật sư cho rằng cần xem xét lại ý thức của bị hại khi quan hệ tình dục với bị cáo có tự nguyện hay không, cường độ cưỡng ép như thế nào là không có căn cứ bởi lẽ ngay cả khi bị hại đã chọn phương án chuyển tiền và không quan hệ tình dục nhưng sau khi nhận tiền, bị cáo vẫn liên lạc và nói chủ trang web yêu cầu phải quan hệ tình dục với bị cáo, ép buộc bị hại T phải quan hệ tình dục nếu không sẽ phát tán clip trước đó của T. Hành vi của bị cáo diễn ra nhiều lần, hậu quả trong và sau thời gian phạm tội bị hại đã phải thăm khám, nhập viện điều trị tại nhiều cơ sở y tế như Bệnh viện đa khoa Tâm Trí Sài Gòn (từ ngày 28/5/2023 đến ngày 02/6/2023), bệnh viện Tâm thần, bệnh viện Đại học Y Dược. Kết quả khám và điều trị xác định bị hại Đỗ Mai Thùy T bị rối loạn hoảng sợ, phản ứng với stress trầm trọng, rối loạn thích ứng, trầm cảm...Đồng thời từ sau khi sự việc xảy ra bị hại đã nghỉ học tại Trường N.

Xét hành vi “Cưỡng dâm” của bị cáo thực hiện nhiều lần, hậu quả gây ra cho bị hại không chỉ tổn hại về sức khỏe, tinh thần mà còn gián tiếp gây gián đoạn việc học tập của bị hại nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc hơn để cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như răn đe phòng ngừa chung cho những kẻ có dự mưu tương tự.

Đối với hành vi “Cưỡng đoạt tài sản”, xét số tiền chiếm đoạt không lớn, bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả nên mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo đề nghị tăng hình phạt của bị hại.

Về mức bồi thường thiệt hại, do bị hại không cung cấp được tài liệu chứng minh cho yêu cầu của mình nên căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội

đồng xét xử giành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự cho bị hại về các yêu cầu trên nếu có đủ căn cứ xác định thiệt hại thực tế.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Cao Hữu D.** Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại **Đỗ Mai Thùy T.** Sửa bản án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 143; khoản 1 Điều 170; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 55 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt: Cao Hữu D 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng dâm” và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2023.

- Căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tách yêu cầu bồi thường về tổn hại sức khỏe, tinh thần và các khoản mất thu nhập của người chăm sóc cho bị hại để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự cho bị hại đối với các yêu cầu trên (nếu có).

Bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối Cao; (1)
- TAND Cấp Cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND H. Hóc Môn; (1)
- Chi cục THA. H Hóc Môn; (1)
- TAND H. Hóc Môn; (2)
- Công an H. Hóc Môn; (1)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (1)
- Bị cáo, bị hại, luật sư; (5)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu, hình sự, hồ sơ. (23) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hà**

